TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THÁI HOÀ** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HS-ST
Ngày 17 tháng 01 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:`
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Diên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Chí Công
2. Ông Đậu Đức Đông

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Nhung - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2025/TLST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HS ngày 06/01/2025, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Trung T**,** tên gọi khác: Không; sinh ngày 24 tháng 9 năm 2005 tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; nguyên quán: Xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: Xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T1, sinh năm 1967; con bà: Trương Thị H, sinh năm 1968; vợ con: Chưa có; tiền án: Có 01 tiền án: Ngày 17/9/2024, bị Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng theo bản án số 35/2024/HSST; tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/11/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thị xã T, tỉnh Nghệ An "có mặt".

- Bị hại: Anh Bùi Đức T2, sinh năm 2004.
Nơi cư trú: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).
- Anh Nguyễn Sinh T3, sinh ngày 22/9/2006.
Nơi ĐKHKTT: Số D, tổ F, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang.
Chỗ ở hiện nay: K, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1977.
Nơi ĐKHKTT: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An.
Tạm trú: K, phường L, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).
Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1977.
Nơi cư trú: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (có mặt).
Anh Triệu Nam H1, sinh năm 1983.
Nơi cư trú: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt)

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Viết D, sinh năm 1985.
Nơi cư trú: Xóm Đ, xã Đ, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt)

Người chứng kiến: Ông Nguyễn Cảnh S, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 28/10/2024, khi Lê Trung T đang ở trước cổng trường THCS Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An thì gặp anh Nguyễn Sinh T3 đang sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO, loại LIBERTY, màu trắng, mang biển kiểm soát 34B1-444.17 nên Lê Trung T đã nảy sinh ý định lừa mượn chiếc xe mô tô của anh T3 để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Lê Trung T dùng thủ đoạn gian dối, lấy lý do nhờ anh T3 chở T về nhà ở xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An thì anh T3 đồng ý. Sau đó, Lê Trung T điều khiển chiếc xe mô tô trên chở anh Nguyễn Sinh T3 đi đến Nhà văn hóa xóm T, xã N, thị xã T, Nghệ An thì dừng lại và nói anh T3 đứng chờ để T về nhà lấy quần áo. Anh Nguyễn Sinh T3 tin tưởng nên đồng ý cho Lê Trung T mượn chiếc xe mô tô của anh T3. Ngay sau khi mượn được chiếc xe mô tô nêu trên, Lê Trung T điều khiển xe đi đến quán S1 do anh Nguyễn Viết D là chủ quán và đề nghị bán chiếc xe mô tô cho anh D. Tuy nhiên, do chiếc xe mô tô không có giấy tờ nên anh D không đồng ý mua và giới thiệu cho anh Triệu Nam H1 mua chiếc xe mô tô của Lê Trung T thì anh H1 đồng ý. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, anh Triệu Nam H1 đến quán sửa xe của anh Nguyễn Viết D. Lê Trung T nói với anh Triệu Nam H1 là xe mô tô là của T mua được ở Hải Dương nhưng không có đăng ký xe và hiện không có nhu cầu sử dụng nên muốn bán và anh H1 đồng ý mua chiếc xe mô tô với giá 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 30/10/2024, anh Nguyễn Sinh T3 đã làm đơn trình báo lên Công an thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Đến ngày 01/11/2024, Lê Trung T đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Nghệ An xin đầu thú về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 22/KLĐG ngày 05/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thị xã T xác định: 01 (một) chiếc xe xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO, loại LIBERTY, màu trắng, mang biển kiểm soát 34B1-444.17, đã qua sử dụng tại thời điểm bị Lê Trung T lừa đảo chiếm đoạt vào ngày 28/10/2024 có giá trị là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

Quá trình điều tra xác định, ngoài thực hiện hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", Lê Trung T còn thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" như sau:

Vào khoảng 23 giờ 15 phút ngày 23/10/2024, Lê Trung T đang ở nhà tại xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An thì có bạn là anh Bùi Đức T2 gọi điện cho T xin được ngủ nhờ qua đêm thì Thông đồng ý. Sau đó, anh Bùi Đức T2 điều khiển 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave anpha, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 37H1-469.25 đến nhà Lê Trung T và để chiếc xe mô tô trước sân nhà rồi đi vào nhà ngủ cùng với Lê Trung T. Đến khoảng 02 giờ ngày 24/10/2024, khi Lê Trung T và anh Bùi Đức T2 đang ngủ thì T tỉnh dậy và nhìn thấy chìa khóa chiếc xe mô tô của anh T2 để ở trên đầu giường nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài. Thấy anh Bùi Đức T2 đang ngủ say, Lê Trung T lén lút lấy chìa khóa xe mô tô rồi đi ra ngoài sân, mở khóa và khởi động xe rồi điều khiển chiếc xe mô tô của anh T2 đi về hướng trung tâm thị xã T, tỉnh Nghệ An. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, khi Lê Trung T đi đến khu vực đường H, khối L, phường L, thị xã

T, tỉnh Nghệ An thì gặp một người đàn ông nên dừng lại nói chuyện. Qua trò chuyện, Lê Trung T chỉ biết người đàn ông có tên là L1, nói giọng địa phương khác, không biết họ tên đầy đủ, địa chỉ cụ thể ở đâu và đề nghị bán chiếc xe mô tô vừa trộm cắp được cho người đàn ông này với giá 1.000.000 đồng (một triệu đồng) thì người đàn ông đó đồng ý. Sau khi bán được chiếc xe mô tô, Lê Trung T đi bộ đến khu vực Trung tâm thị xã T, tỉnh Nghệ An và tiêu xài hết số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, anh Bùi Đức T2 ngủ dậy thì không thấy xe mô tô đâu nên đã gọi điện cho Lê Trung T thì T nói anh T2 chờ ở nhà đó rồi có bạn đưa xe về trả cho anh T2. Sau đó, Lê Trung T cắt đứt liên lạc với anh Bùi Đức T2. Đến ngày 26/11/2024, anh Bùi Đức T2 đã làm đơn trình báo lên Công an thị xã T, tỉnh Nghệ An.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25/KLĐG ngày 06/12/2024 của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thị xã T xác định: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha màu xanh - đen - bạc, mang biển kiểm soát 37H1-469.25, số máy JA39E2747781, số khung RLHJA3927NY250853 tại thời điểm bị Lê Trung T trộm cắp vào ngày 24/10/2024 có giá trị là 13.700.000đ (mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS-TH ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Lê Trung T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 - Bộ luật Hình sự và tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 - Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Trung T từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - BLHS: Xử phạt bị cáo Lê Trung T từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ Điều 55 - Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lê Trung T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 21 (hai mươi mốt) đến 27 (hai mươi bảy) tháng tù.

Căn cứ Điều 56; Điều 55; khoản 5 Điều 65 - Bộ luật Hình sự:

Tổng hợp với 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" cho hưởng án treo tại bản án số 35/2024/HSST ngày 17/9/2024, của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 48 - Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lê Trung T phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Hoàng Thị N số tiền 13.700.000 đồng (mười ba triệu, bảy trăm nghìn đồng), bồi thường cho anh Triệu Nam H1 số tiền 2.500.000 đồng.

Bị hại anh Nguyễn Sinh T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ L đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô mà bị cáo đã chiếm đoạt nên

anh T3 và chị L không yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định nên đề nghị hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí về tội danh, mức hình phạt cũng như trách nhiệm bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với vật chứng thu giữ được, phù hợp với lời khai của bị hại và lời khai của những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra cũng như tại phiê tòa. Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa, từ đó đã xác định được: Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 28/10/2024, khi bị cáo gặp Nguyễn Sinh T3 trước cổng trường THCS Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An thì bị cáo nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T3 để bán lấy tiền tiêu xài nên bị cáo đã lừa mượn của anh T3 chiếc xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO, loại LIBERTY, màu trắng, mang biển kiểm soát 34B1-444.17 trị giá 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) của anh Nguyễn Sinh T3, sau đó chiếm đoạt và bán cho anh Triệu Nam H1 với giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Và ngày 24/10/2024, tại nhà của Lê Trung Thông T4 xóm T, xã N, Thị xã T, tỉnh Nghệ An; Lê Trung T đã lén lút, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của anh Bùi Đức T2, đã thực hiện hành vi trộm cắp của anh Bùi Đức T2 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave anpha màu xanh - đen - bạc, mang biển kiểm soát 37H1-469.25 có trị giá là 13.700.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng). Do đó hành vi của bị cáo Lê Trung T đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 - Bộ luật Hình sự và tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 - Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản, gây bất bình trong xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, không được chiếm đoạt dưới bất kỳ hình

thức nào nhưng với bản chất ham chơi, lười lao động, lại muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và "Trộm cắp tài sản". Vì vậy cần có đường lối xử phạt nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng: Bị cáo đang có 01 tiền án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, giáo dục bản thân để trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, điều đó chứng tỏ bị cáo là đối tượng xem thường pháp luật nên cần căn cứ điểm h khoản 1 Điều 52 - Bộ luật Hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo. Mặt khác sau khi thực hiện hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" bị cáo đã ra đầu thú. Do đó cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản) Điều 51 Bộ luật Hình sự thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với từng tội mà bị cáo đã gây ra, kết hợp với xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với từng tội và căn cứ Điều 55 - Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lê Trung T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội. Mặt khác bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian thử thách án treo nên cần căn cứ Điều 56; khoản 5 Điều 65 - Bộ luật Hình sự, tổng hợp với 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" cho hưởng án treo tại bản án số 35/2024/HSST ngày 17/9/2024, của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 174 - Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Sinh T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ L vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua đơn xin xét xử vắng mặt anh T3, chị L trình bày đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T trả lại chiếc xe mô tô mà bị cáo lừa đảo nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, do đó Hội đồng xét xử miễn xét.

Bị hại anh Bùi Đức T2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua đơn xin xét xử vắng mặt, anh T2 đề nghị bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Hoàng Thị N số tiền 13.700.000 đồng (mười ba triệu, bảy trăm nghìn đồng). Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị N thống nhất với ý kiến của anh T2, yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị số tiền 13.700.000 đồng (mười ba triệu, bảy trăm nghìn đồng) là giá trị chiếc xe mô tô của chị đã cho anh T2 mượn; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Triệu Nam H1 vắng mặt nhưng qua đơn xin xét xử vắng mặt anh H1 yêu cầu bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho anh số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng) mà anh đã mua chiếc xe mô tô do bị cáo lừa đảo. Xét yêu cầu bồi thường của anh T2, chị N và anh H1 là phù hợp với

quy định của pháp luật. Mặt khác tại phiên tòa bị cáo chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của anh T2, chị N và anh H1. Do đó căn cứ vào Điều 48 - Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lê Trung T phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Hoàng Thị N số tiền 13.700.000 đồng (mười ba triệu, bảy trăm nghìn đồng); bồi thường cho anh Triệu Nam H1 số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

[7] Về vật chứng vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã xử lý trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định nên hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Đối với anh Nguyễn Viết D, là người giới thiệu cho anh Triệu Nam H1 mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu PIAGGIO, loại LIBERTY, màu trắng, mang biển kiểm soát 34B1-444.17 của Lê Trung T: Quá trình điều tra xác định, anh Nguyễn Viết D và anh Triệu Nam H1 không có hứa hẹn trước, không biết chiếc xe mô tô nêu trên là do Lê Trung T lừa đảo chiếm đoạt mà có nên anh Nguyễn Viết D và anh Triệu Nam H1 không phạm tội.

Đối với người đàn ông tên L1 đã mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha màu xanh - đen - bạc, mang biển kiểm soát 37H1-469.25 của Lê Trung T: Quá trình điều tra và tại phiên tòa do không xác định được lai lịch, địa chỉ cụ thể nên không có cơ sở để xử lý. Đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Nghệ An tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Trung T 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 - Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Trung T 12 (mười hai) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Căn cứ Điều 55 - Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Lê Trung T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 21 (hai mươi mốt) tháng tù.

Căn cứ Điều 56; khoản 5 Điều 65 - Bộ luật Hình sự:

Tổng hợp với 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" cho hưởng án treo tại bản án số 35/2024/HSST ngày 17/9/2024, của Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 01/11/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 48 - Bộ luật Hình sự; các Điều 584; 585; 586 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lê Trung T phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Hoàng Thị N số tiền 13.700.000 đồng (mười ba triệu, bảy trăm nghìn đồng); bồi thường cho anh Triệu Nam H1 số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền

còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Lê Trung T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 810.000 đồng (tám trăm mười nghìn đồng) án phí DSST.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị N có mặt, trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An. Bị hại anh T2, anh T3, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị L, anh H1 vắng mặt, được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Văn Diên